

Bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong tố tụng dân sự

Bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự chính là một nội dung cụ thể trong những nội dung về quyền bình đẳng của mỗi công dân trước pháp luật được quan tâm thực hiện trong thực tế. Bài viết nghiên cứu một số vấn đề lý luận về bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự.

1. Khái quát chung về quyền bình đẳng của đương sự

“Quyền” được hiểu là những quy định pháp luật thực định cho phép mỗi chủ thể pháp luật có thể được làm việc gì đó hoặc yêu cầu, ngăn cản người khác làm việc gì đó vì lợi ích của chính mình hoặc lợi ích của người khác[1]. Còn thuật ngữ “bình đẳng” là chỉ sự “ngang hàng nhau về địa vị và quyền lợi”[2]. Như vậy, quyền bình đẳng có thể được hiểu một cách chung nhất là sự ngang nhau về địa vị pháp lý, về quyền lợi và nghĩa vụ.

Dưới góc độ là một thuật ngữ pháp lý, qua nghiên cứu dưới phương diện lịch sử cho thấy, thuật ngữ “bình đẳng” và “quyền bình đẳng” chưa được sử dụng ngay khi có pháp luật mà chỉ xuất hiện sau khi pháp luật ra đời được một thời gian khá dài. Theo đó, các nhà triết học và tư tưởng cho rằng, quyền bình đẳng là một trong những quyền thiên bẩm, tự nhiên, cơ bản của con người và dù có khác biệt về thể chất, khả năng, hoàn cảnh sống hay của cải thì quyền này phải được bảo vệ ở mọi chế độ xã hội. Ở Việt Nam, quyền bình đẳng được ghi nhận tại Điều 16 Hiến pháp năm 2013: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”. Cụ thể hóa quyền bình đẳng, pháp luật tố tụng dân sự hiện nay đã khẳng định quyền bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong tố tụng dân sự bằng một nguyên tắc được quy định tại Điều 8 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đương sự trong tố tụng dân sự là người tham gia tố tụng dân sự để bảo vệ quyền, lợi ích của mình trước Tòa án. Nghiên cứu về quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự, nhà nghiên cứu Nguyễn Huy Đầu đã chỉ rõ, bình đẳng có nghĩa là “không bao hàm ý nghĩa giàu nghèo, sang hèn, mạnh yếu, tất cả đều phải chung một số phận trước công lý”. Ông khẳng định, quyền bình đẳng sẽ “san phẳng sự bất bình đẳng của mọi công dân trước công lý về phương diện bản chất của Tòa án và luật lệ áp dụng”, vì thế quyền bình đẳng của đương sự phụ thuộc nhiều vào thái độ, hành vi của Tòa án[3]. Tác giả Nguyễn Ngọc Điện cho rằng, không thể hiểu bình

đẳng một cách cào bằng, cứng nhắc, vì “mọi cá nhân không nhất thiết đều phải có quyền và nghĩa vụ giống nhau, dù tất cả các cá nhân đều bình đẳng trước pháp luật”[4]...

Về bản chất, quyền bình đẳng của đương sự được ghi nhận trong pháp luật tố tụng dân sự có nguồn gốc từ quyền bình đẳng của con người, do đó quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự trước hết phải được hiểu là một trong những quyền tố tụng quan trọng, thể hiện tính đặc thù của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự. Theo đó, giải pháp đầu tiên, đồng thời cũng là đặc điểm đầu tiên của bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự là pháp luật tố tụng dân sự ghi nhận cụ thể các đương sự trong tố tụng dân sự bình đẳng với nhau về các quyền, nghĩa vụ cũng như trách nhiệm pháp lý bởi với thực tế tại nhiều quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển, luật pháp được coi là phương tiện để đạt được những kết quả công bằng và phương tiện này “có vị trí, vai trò và tầm quan trọng hàng đầu”. Ngoài ra, quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự không chỉ là việc pháp luật tố tụng dân sự ghi nhận đương sự có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trước Tòa án mà còn quy định về việc đương sự đều phải chịu trách nhiệm pháp lý như nhau, mỗi đương sự luôn có quyền gắn liền với nghĩa vụ tố tụng dân sự. Quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự không chỉ là việc pháp luật tố tụng dân sự quy định Tòa án không được phân biệt đối xử giữa các đương sự mà còn là quy định Tòa án phải tạo cơ hội như nhau cho các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng, không phân biệt đối xử mà phải bảo vệ công bằng quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Gắn liền với các quy định về quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của đương sự là ngang nhau thì bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự còn là các quy định về vai trò, trách nhiệm của Tòa án trong việc tạo điều kiện, bảo đảm cho đương sự được bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trước Tòa án và các quy định về chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát trong việc giám sát quyền bình đẳng của đương sự là vai trò, nhiệm vụ của những cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự cũng là các quy định không thể thiếu.

Như vậy, bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự là tổng hợp các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về bình đẳng quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của đương sự, về trách nhiệm, nhiệm vụ của Tòa án, Viện kiểm sát và các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc giúp đỡ đương sự thực hiện quyền bình đẳng trong suốt quá trình tố tụng dân sự.

2. Cơ sở bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam

Bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong tố tụng dân sự cần phải được thể chế hóa bằng pháp luật. Cơ sở của việc luật hóa bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong tố tụng dân sự xuất phát từ những lý do sau:

***Một là,** bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự xuất phát từ yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.*

Quyền con người, trong đó có quyền bình đẳng là cái có trước và Nhà nước với công cụ là pháp luật chỉ làm nhiệm vụ ghi nhận và bảo vệ. Cũng như quyền tự nhiên khác của con người, quyền bình đẳng là một quyền không thể phủ nhận nên quyền bình đẳng tuyệt đối được nhà nước ghi nhận, bảo đảm thực hiện và bảo vệ bằng hệ thống các quy phạm pháp luật khi nó bị xâm phạm. Bản chất của sự bình đẳng là sự công nhận các giá trị như nhau của các thành viên trong xã hội trong tất cả các lĩnh vực khác nhau, nếu nhà nước ghi nhận các chủ thể pháp luật đều có giá trị như nhau và nhà nước bảo đảm quyền bình đẳng của các chủ thể đó trong các quy định của pháp luật thì đó là một trong những biểu hiện của một nhà nước pháp quyền văn minh, tiến bộ. Theo A.I. Kovalenco, nhà nước pháp quyền phải là một nhà nước dựa trên tính tối cao của pháp luật, quy định trách nhiệm tương hỗ của công dân và nhà nước trong phạm vi của pháp luật, bảo đảm các quyền và tự do của công dân, tất cả các công dân, người có chức vụ, các cơ quan, tổ chức phải có sự chấp hành và tuân thủ thường xuyên pháp luật. Việt Nam đang xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nên việc công nhận, đề cao và bảo vệ quyền con người nói chung, quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự nói riêng là một yêu cầu tất yếu. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trước hết phải dựa trên nền tảng dân chủ xã hội. Việc công nhận và bảo đảm quyền con người, quyền công dân là biểu hiện rõ nét nhất của nền dân chủ. Đây cũng là lý do giải thích tại sao trong các bộ luật tố tụng dân sự của Việt Nam đều thống nhất quy định nguyên tắc đương sự trong tố tụng dân sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

***Hai là,** bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam xuất phát từ yêu cầu cần có sự tương thích giữa pháp luật quốc tế với pháp luật quốc gia, giữa Hiến pháp với các luật chuyên ngành, giữa luật nội dung và luật hình thức.*

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau, quyền bình đẳng với tư cách là một quyền tự nhiên của con người ngày càng được công nhận, hoàn thiện trong hệ thống pháp luật quốc tế cũng như trong pháp luật của mỗi quốc gia. Với chính sách mở

cửa, hội nhập quốc tế sâu, rộng, Việt Nam đứng trước yêu cầu cần phải chủ động “hòa nhập” với xu hướng chung của quốc tế, tạo ra môi trường hợp tác thuận lợi (đặc biệt là môi trường pháp lý) để các nước tin tưởng hợp tác trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Muốn vậy, pháp luật Việt Nam phải tương thích với các quy định của pháp luật quốc tế cũng như của các quốc gia công nhận và bảo đảm quyền con người, trong đó có quyền bình đẳng. Có thể nói, ở một mức độ nhất định, chính các văn bản pháp lý quốc tế và các quốc gia khác khẳng định và bảo đảm quyền bình đẳng đã ảnh hưởng mạnh mẽ và tạo định hướng để pháp luật Việt Nam nói chung, pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam nói riêng cũng thừa nhận và bảo đảm quyền bình đẳng. Như vậy, pháp luật Việt Nam, từ văn bản pháp lý cao nhất là Hiến pháp đến văn bản pháp lý chuyên ngành là pháp luật tố tụng dân sự không chỉ cần phải tương thích với pháp luật quốc tế mà còn phải tương thích với nhau thì quyền bình đẳng mới được ghi nhận thành một hệ thống thống nhất. Có thể nhận thấy, Điều 8 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định các đương sự có quyền bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trước Tòa án là sự cụ thể hóa quyền bình đẳng của con người được quy định trong Hiến pháp năm 2013 qua các quy phạm pháp luật tố tụng dân sự. Không những phải tương thích với Hiến pháp, việc xây dựng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong tố tụng dân sự còn phải đáp ứng yêu cầu phù hợp với Bộ luật Dân sự, bởi luật nội dung quyết định luật hình thức. Điều 8 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định các đương sự có quyền bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trước Tòa án là tương thích với các nguyên tắc bình đẳng được quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ba là, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự xuất phát từ nhu cầu cần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong tố tụng dân sự.

Tham gia tố tụng dân sự, đương sự nào trong vụ việc dân sự cũng luôn có nhu cầu được Tòa án bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Tuy nhiên, trước khi trông đợi vào Tòa án, đương sự có thể tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Để có thể tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì đương sự cần được Nhà nước trao quyền bình đẳng được ghi nhận trong pháp luật, đương sự mới có cơ sở pháp lý để ngang bằng với các đương sự khác trong việc tiếp cận Tòa án để đưa ra yêu cầu, trong việc cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu, trong việc thỏa thuận về các vấn đề cần giải quyết trong vụ việc dân sự, trong việc tranh tụng tại phiên tòa... Tuy nhiên, nếu pháp luật tố tụng dân sự chỉ dừng lại ở việc ghi nhận quyền bình đẳng của đương sự thì rất có thể quyền này sẽ không được thực hiện hiệu quả bởi quyền này không chỉ phụ thuộc vào đương sự có thực hiện hay không mà còn phụ thuộc vào các chủ thể có liên quan như Tòa án, viện kiểm sát, các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác trong xã hội. Như vậy, để có thể bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự,

pháp luật tố tụng dân sự cần có các quy định về bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự từ phía Tòa án, Viện kiểm sát và các chủ thể liên quan khác.

3. Nội dung cơ bản của nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong pháp luật tố tụng dân sự

Một là, pháp luật tố tụng dân sự ghi nhận quyền bình đẳng về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý trước Tòa án của đương sự và xác định quy định này là một nguyên tắc của pháp luật tố tụng dân sự.

Để bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự thì trước hết pháp luật tố tụng dân sự cần ghi nhận đương sự có quyền bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý là nội dung lớn đầu tiên mà pháp luật tố tụng dân sự về bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự. Nội dung này phải được cụ thể hóa bằng các quy phạm pháp luật phù hợp trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự. Ví dụ, quyền bình đẳng giữa các đương sự được thể hiện ở việc ghi nhận nguyên đơn có quyền đưa ra yêu cầu khởi kiện và bị đơn thì có quyền phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì có quyền yêu cầu độc lập trong giai đoạn đầu tiên là tiếp cận Tòa án. Việc bình đẳng giữa các đương sự cũng thể hiện khi pháp luật tố tụng dân sự đưa ra quy định các đương sự có quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Ngoài ra, bình đẳng về cung cấp chứng cứ còn phải có cả quy định về thời hạn cung cấp chứng cứ cho Tòa án của các đương sự là như nhau, phương thức cung cấp chứng cứ là như nhau... Trong giai đoạn tham gia phiên tòa, quyền bình đẳng của đương sự cũng được thể hiện qua các quy định về việc các đương sự đều được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đều được thay đổi, bổ sung yêu cầu hay rút yêu cầu, đều được tranh tụng tại phiên tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp...

Bên cạnh việc phải ghi nhận đầy đủ, phù hợp đương sự có quyền bình đẳng về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự mà pháp luật tố tụng dân sự còn phải quy định đây là một nguyên tắc mà các chủ thể tiến hành tố tụng phải tuân theo. Là một nguyên tắc của pháp luật tố tụng dân sự, quyền bình đẳng của đương sự không chỉ có ý nghĩa giúp đương sự thực hiện được quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình mà còn giúp các đương sự được Tòa án đối xử như nhau, không bị phân biệt trong tố tụng dân sự[5]. Theo tác giả Đào Trí Úc, quyền bình đẳng của đương sự gắn liền với quyền được xét xử công bằng mà công bằng là “yêu cầu về sự đối xử công bằng, có vị trí pháp lý, có các cơ hội pháp lý công bằng giữa các bên trong tố tụng”[6]. Như vậy, pháp luật tố tụng dân sự còn phải có các quy định về quyền được xét xử công bằng, về địa vị pháp lý như nhau trước Tòa án, về cơ hội bảo vệ quyền, lợi ích ngang nhau trước Tòa án. Các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về bình đẳng quyền, nghĩa

vụ, trách nhiệm, về quyền được xét xử công bằng, về địa vị pháp lý ngang nhau, quyền có cơ hội ngang hàng trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự sẽ là nguyên tắc có giá trị bắt buộc đối với toàn xã hội, không đương sự nào xâm phạm quyền của đương sự nào.

Hai là, bên cạnh việc ghi nhận quyền bình đẳng của đương sự trước Tòa án, pháp luật tố tụng dân sự cần quy định cụ thể, phù hợp trách nhiệm của Tòa án, Viện kiểm sát và các chủ thể có liên quan trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự.

Quy định cụ thể, phù hợp trách nhiệm của Tòa án, Viện kiểm sát và các chủ thể có liên quan là nội dung quan trọng mà pháp luật tố tụng dân sự thể hiện được. Tòa án có vai trò quyết định trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong tố tụng dân sự, vì vậy, luật hóa nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Tòa án trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong tố tụng dân sự sẽ là một phương thức nhằm buộc Tòa án phải nâng cao ý thức của mình trong việc tạo điều kiện cho đương sự thực hiện quyền bình đẳng, trong việc đối xử với đương sự trong tố tụng dân sự. Bên cạnh đó, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Viện kiểm sát và các chủ thể liên quan cũng cần được pháp luật tố tụng dân sự quy định cụ thể để hỗ trợ, cùng với các phương thức khác bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự trong tố tụng dân sự.

ThS. Phạm Tiến Dũng

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

TS. Nguyễn Hùng

Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung

[1]. Từ điển thuật ngữ pháp luật Pháp - Việt, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2009.

[2]. Hán Việt từ điển, Nxb. Trường Thi Sài Gòn, 1957.

[3]. Nguyễn Huy Đẩu, Luật Tố tụng dân sự Việt Nam, Xuất bản dưới sự bảo trợ của Bộ Tư pháp, 1962.

[4]. Nguyễn Ngọc Điện, Giáo trình Luật dân sự (tập 1), Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2016.

[5]. Nguyễn Thị Thu Hà, “Quyền được xét xử công bằng trong tố tụng dân sự”, Tạp chí Luật học số 01/2017.

[6]. Đào Trí Úc, “Bảo đảm quyền con người trong tổ tụng hình sự theo tinh thần đổi mới của Hiến pháp 2013”, Thực hiện quyền hiến định trong Hiến pháp 2013, Nxb. Hồng Đức, 2015.

(Nguồn: Tạp chí Dân chủ và Pháp luật Kỳ 1 (Số 388), tháng 9/2023)

Tác giả: